



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn NRC

Ngày 31/12/2025	5,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.8%	-	13.5%

DT thuần Q4/25
22.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼91.6 -80.3%
YoY: ▲ 21.1 1612%

LN thuần Q4/25
-9.46
tỷ VNĐ
QoQ: ▼40.3 -131%
YoY: ▲ 39.4 80.7%

LN sau thuế Q4/25
10.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.3 -56.2%
YoY: ▲ 57.2 122%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
56.5%
YoY: +/-▲ 1688%

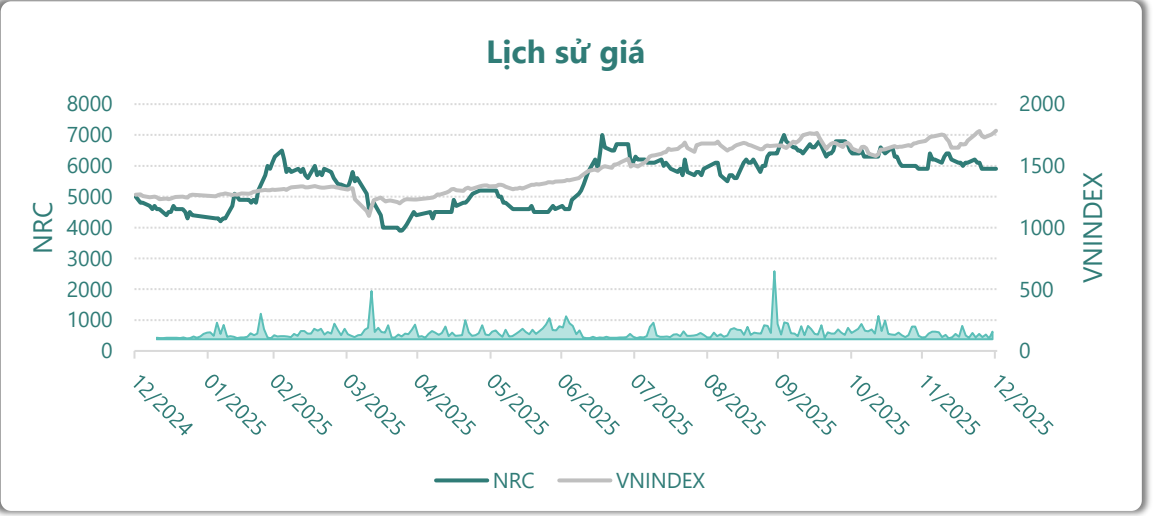
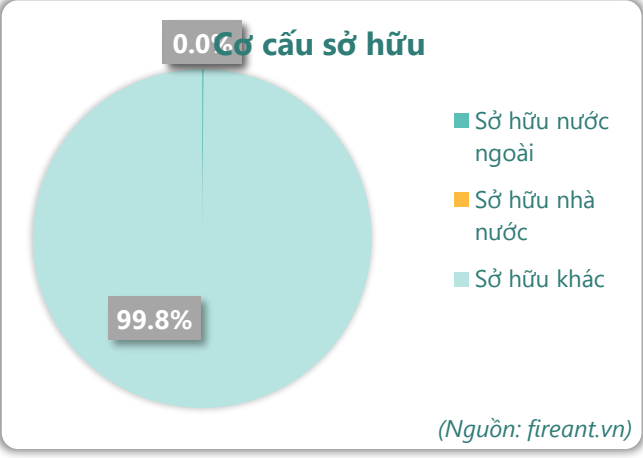
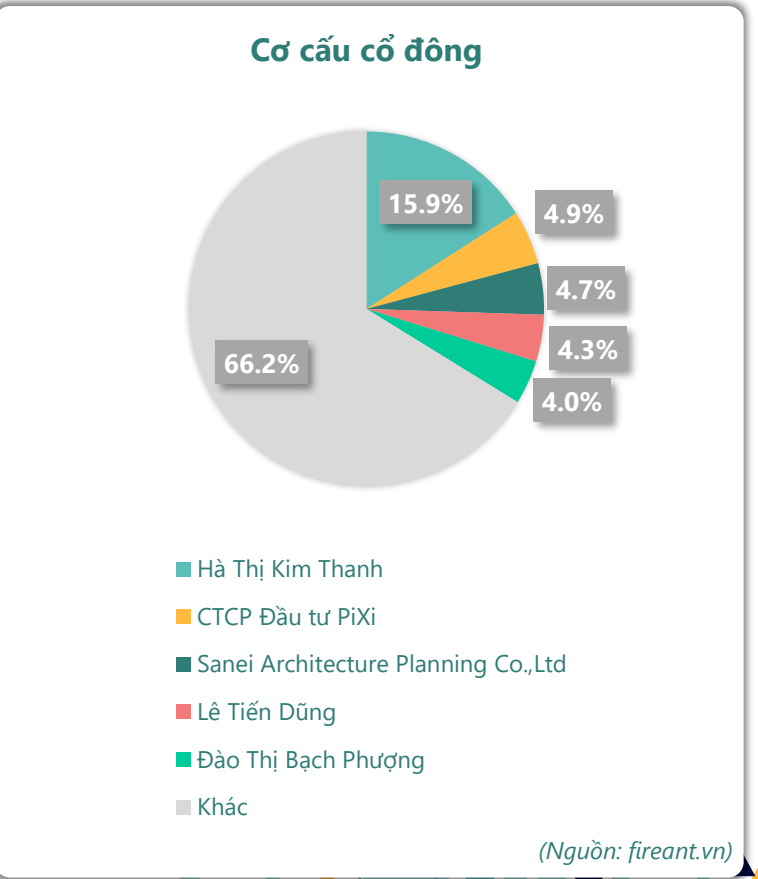
ROE 2025
3.0%
YoY: +/-▲ 14.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,900 - 7,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	546
Số lượng CPLH (CP)	92,597,762
KLGD BQ 20 phiên (CP)	561,520
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.03
EPS	383
P/E	15.4

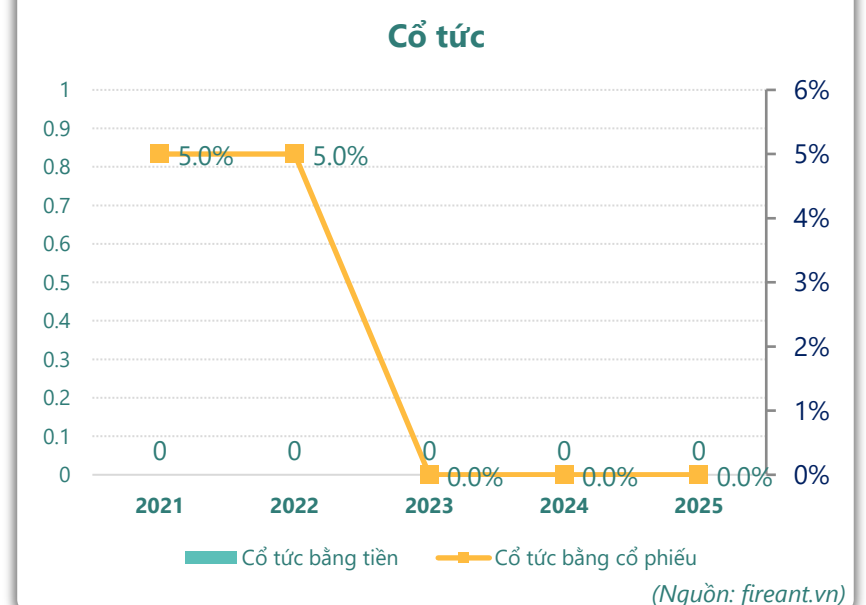
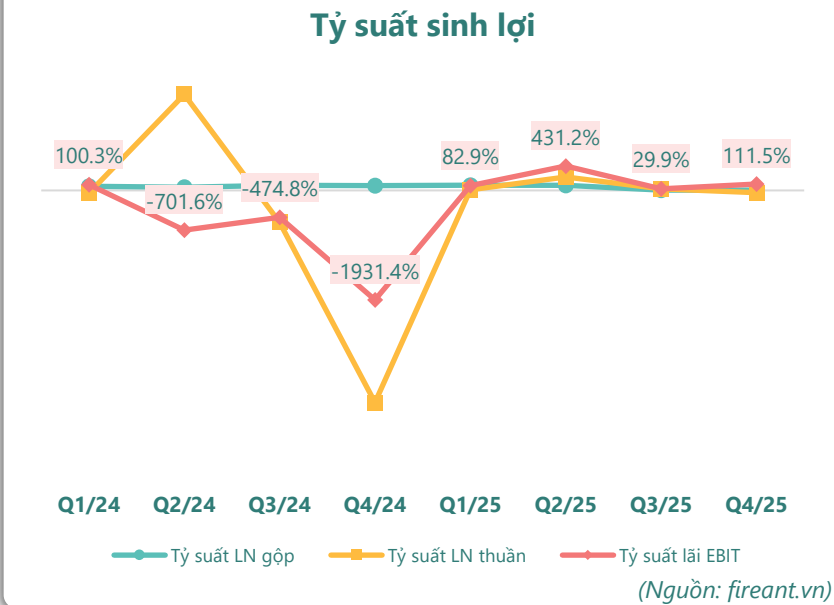
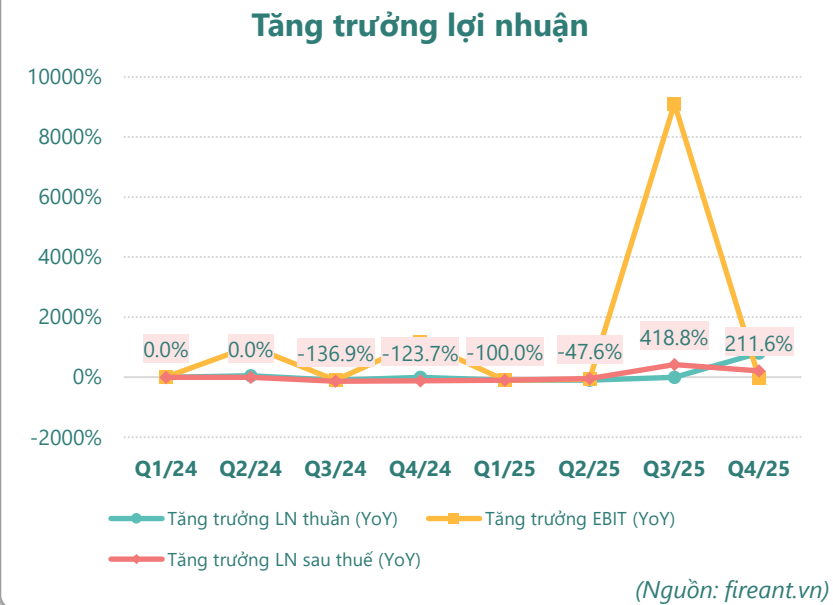
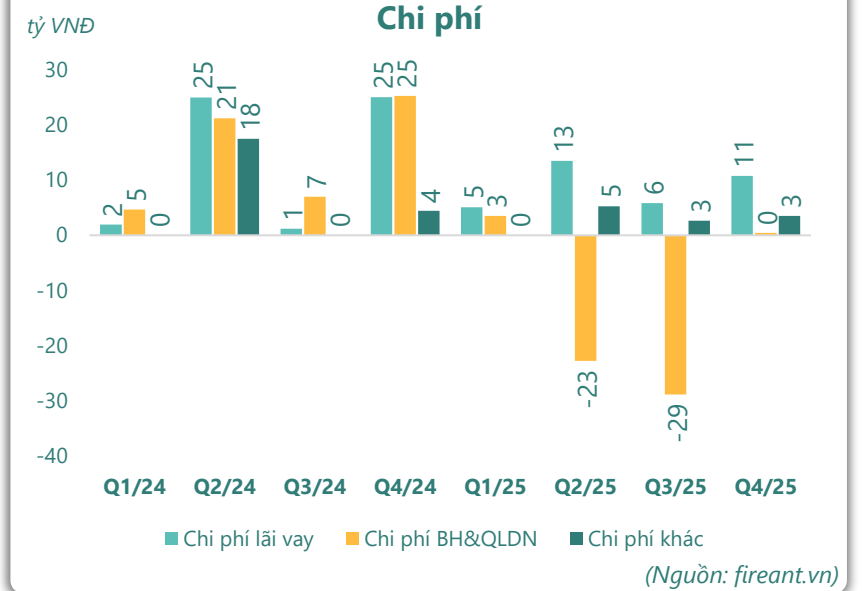
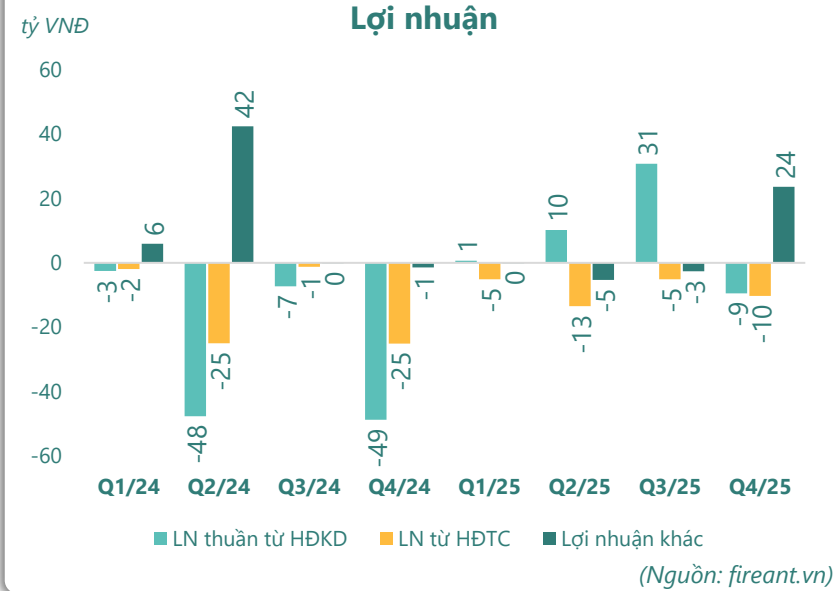
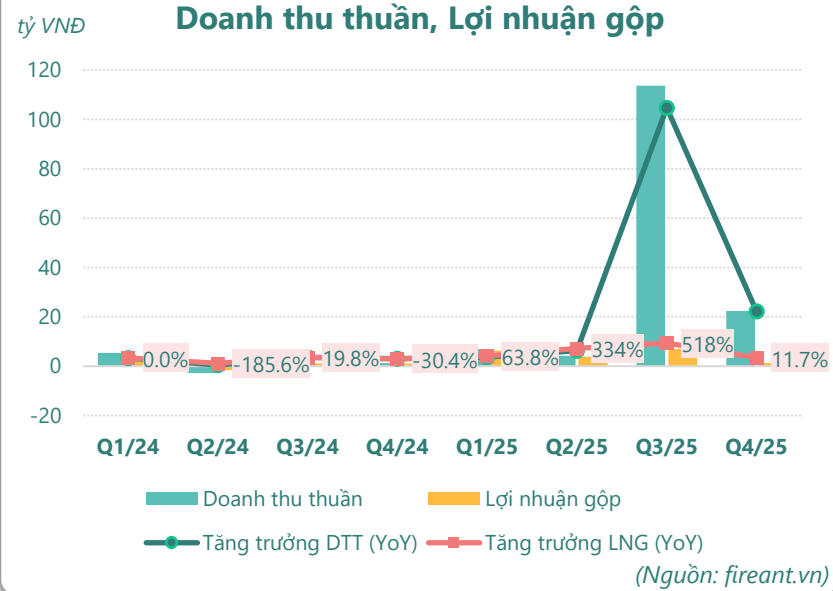
DT thuần 2025
147
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 142 2760%

LN thuần 2025
32.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 162 125%

LN sau thuế 2025
35.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 173 126%



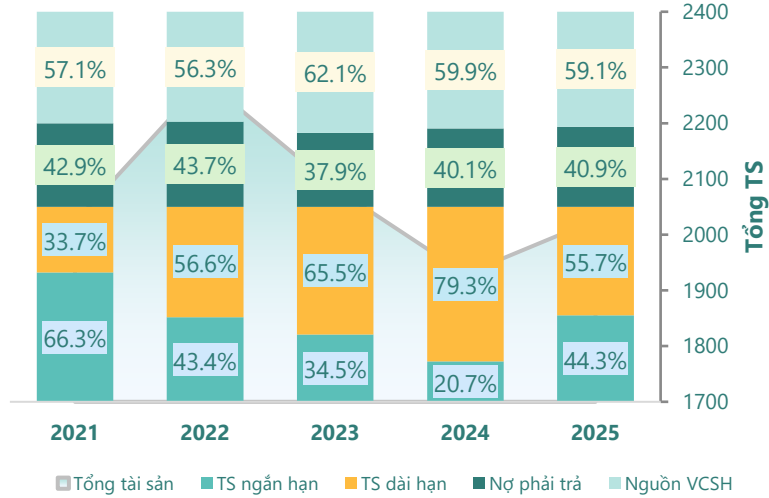
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

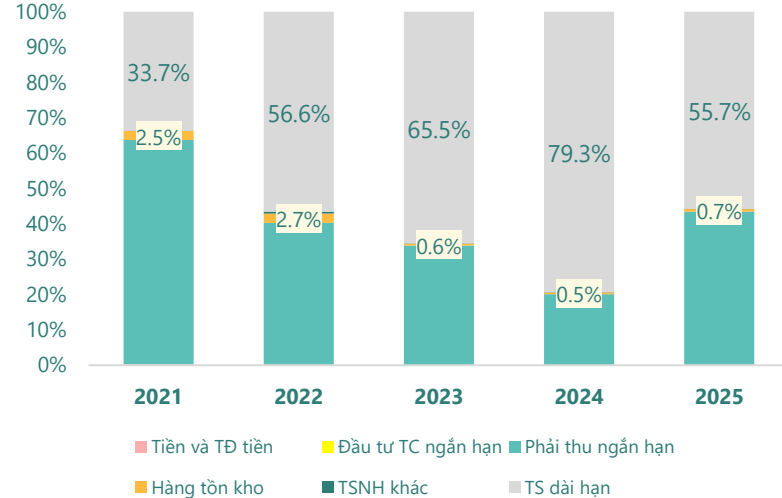
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

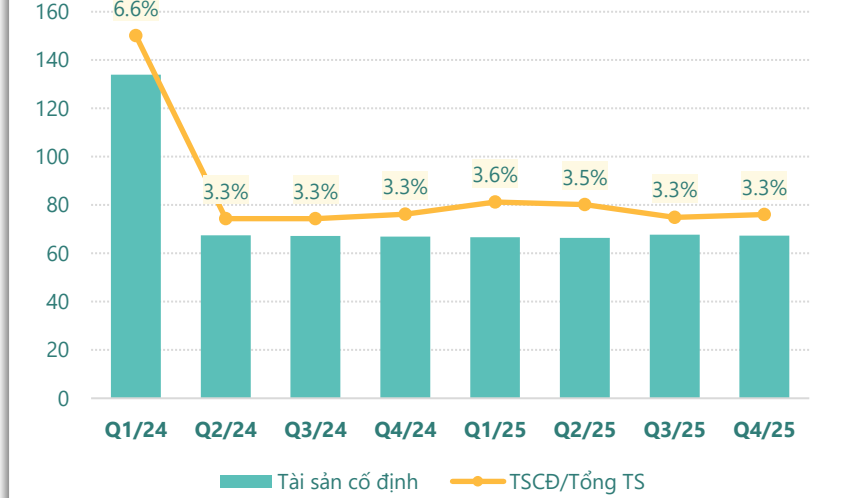
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

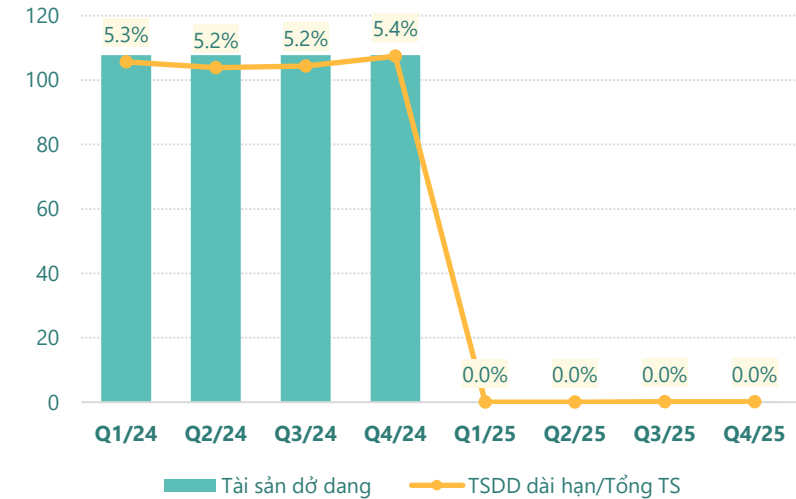
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

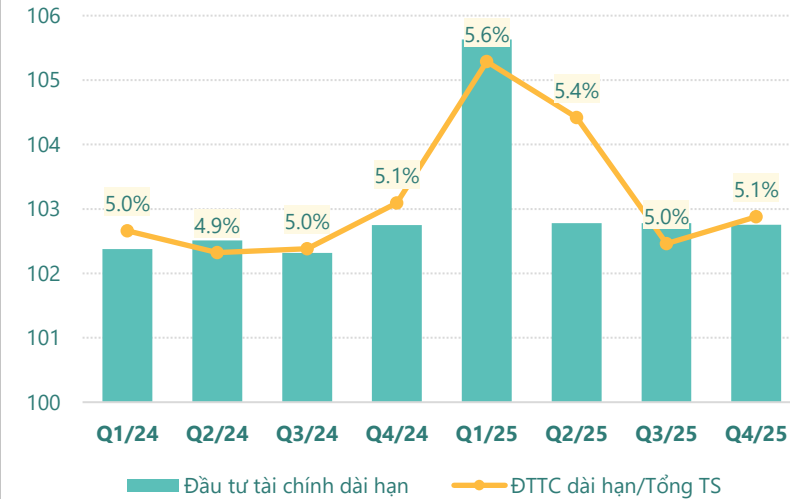
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

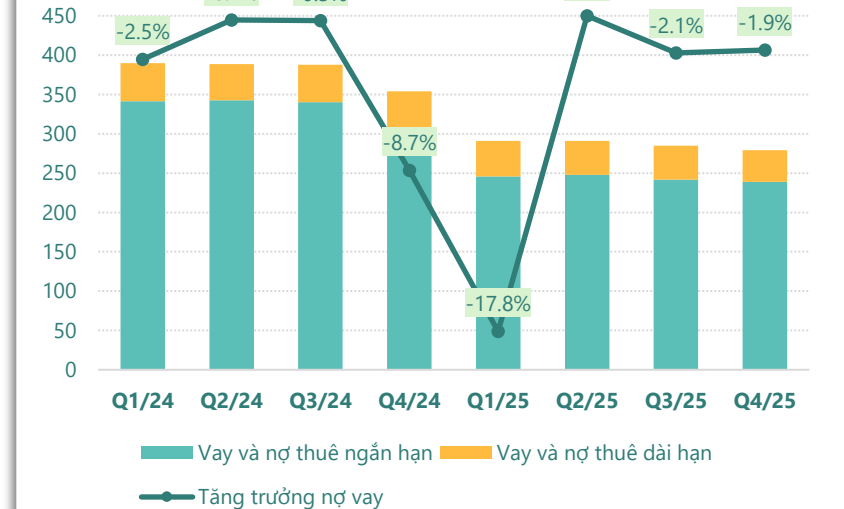
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

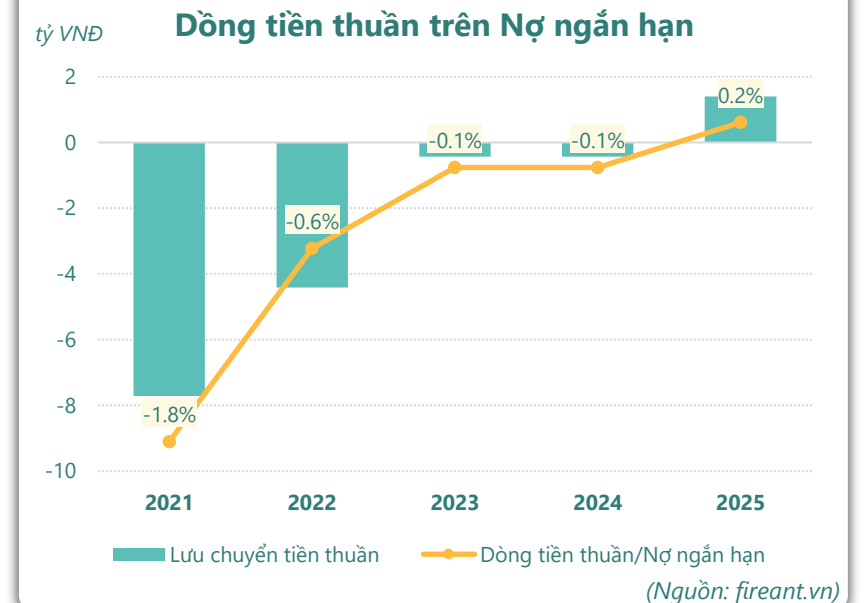
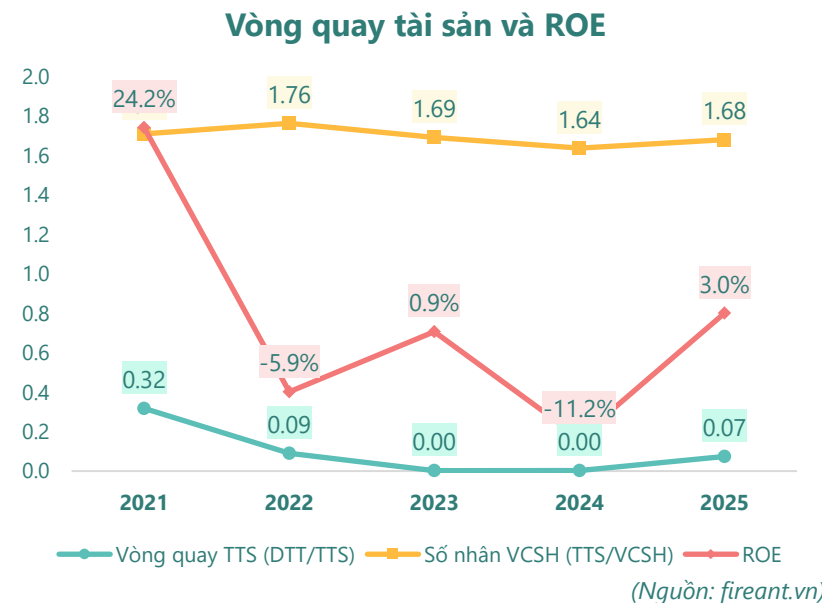
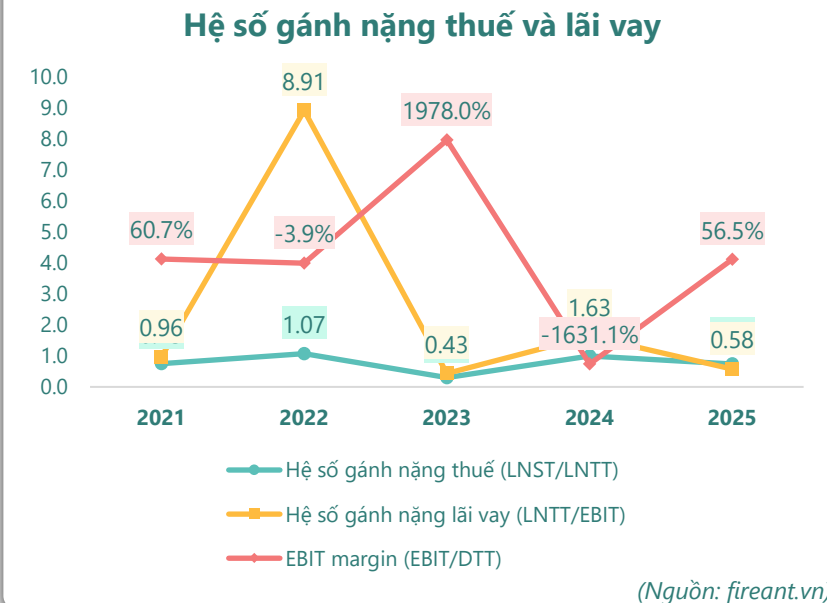
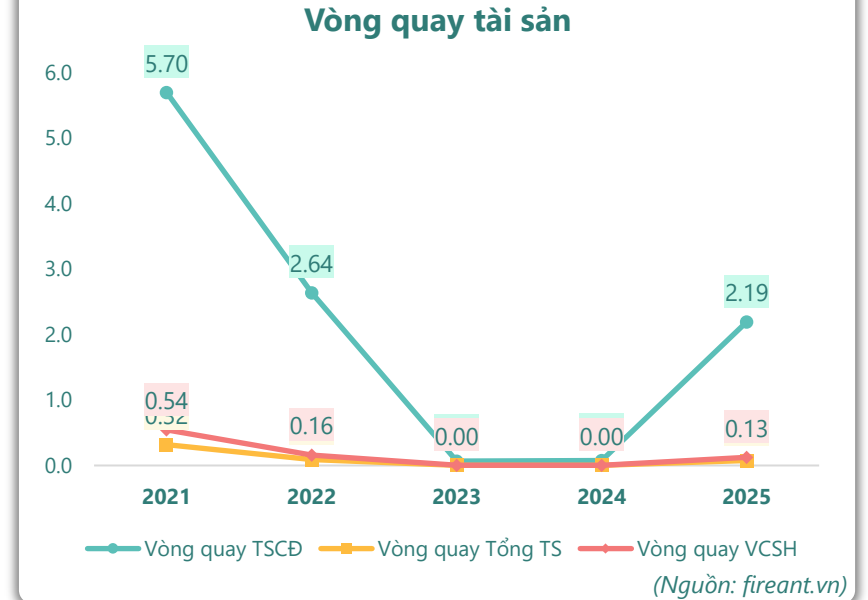
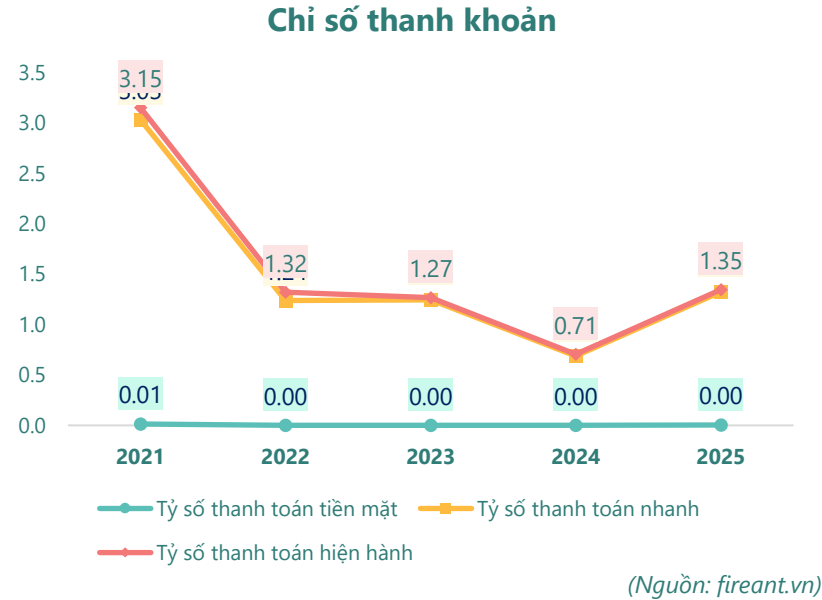
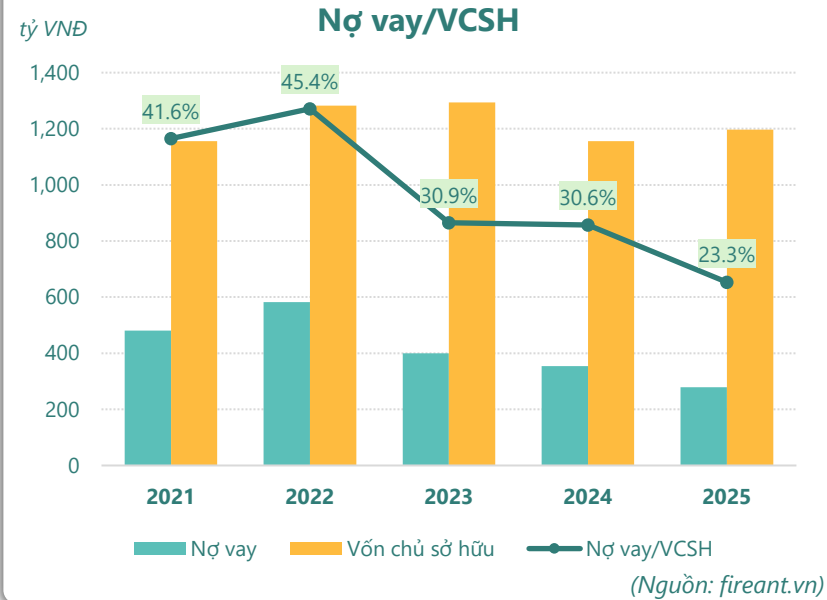
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	22.4	1.31	1612%	147	5.15	2760%
Giá vốn hàng bán	21.2	0.17	12350%	129	0.61	20862%
Lợi nhuận gộp	1.27	1.13	12.1%	18.4	4.53	306%
Doanh thu HĐTC	0.55	0.00		1.26	0.00	387220%
Chi phí TC	10.8	25.1	-57.0%	35.2	53.3	-34.0%
Chi phí lãi vay	10.8	25.1	-57.0%	35.2	53.3	-34.0%
LN trong công ty LKLD	-0.03	0.43	-106%	-0.01	0.59	-102%
Chi phí bán hàng	0.18	0.00		0.47	0	
Chi phí QLDN	0.26	25.3	-99.0%	-48.3	81.7	-159%
LN thuần từ HĐKD	-9.46	-48.9	80.7%	32.3	-130	125%
Lợi nhuận khác	23.7	-1.45	1731%	15.7	-7.36	314%
LN trước thuế	14.2	-50.3	128%	48.0	-137	135%
Lợi nhuận sau thuế	10.3	-46.9	122%	35.5	-137	126%
LNST của CĐ cty mẹ	10.4	-46.8	122%	35.5	-137	126%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.17	33.6	63.1	-0.07	6.73	226
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	-220
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.04	-33.8	-63.1	0	-6.08	-5.52
Tiền đầu kỳ	0.54	0.68	0.47	0.46	0.39	1.05
Lưu chuyển tiền thuần	0.14	-0.21	-0.01	-0.07	0.66	0.82
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.68	0.47	0.46	0.39	1.05	1.87

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,026	1,929	5.0%
Tài sản ngắn hạn	897	399	125%
Tiền và tương đương tiền	1.87	0.47	298%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	879	387	127%
Hàng tồn kho	13.7	9.97	37.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.79	1.54	81.5%
Tài sản dài hạn	1,129	1,530	-26.2%
Phải thu dài hạn	891	1,295	-31.2%
Tài sản cố định	67.4	66.9	0.7%
Bất động sản đầu tư	65.7	65.9	-0.3%
Tài sản dở dang	0.12	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	103	103	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.08	0.04	92.8%
Lợi thế thương mại	2.65	0	
Nợ phải trả	829	773	7.2%
Nợ ngắn hạn	666	565	17.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	239	309	-22.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	101	4.08	2373%
Nợ dài hạn	163	208	-21.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	40.2	45.1	-10.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,197	1,156	3.5%
Vốn chủ sở hữu	1,197	1,156	3.5%
Vốn điều lệ	926	926	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

